

Số 95 -KH/HU

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy
về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại trên địa bàn
tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Cát Tiên xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tập trung đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển toàn diện, bền vững dựa trên nền tảng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp an toàn và hữu cơ, liên kết tiêu thụ sản phẩm nông sản theo chuỗi giá trị, từng bước phát triển công nghệ hiện đại trong sản xuất nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chuyển đổi đồng bộ cơ cấu cây trồng, vật nuôi, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, phát triển nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc nông sản đảm bảo năng suất, chất lượng, uy tín và sức cạnh tranh của nông sản Cát Tiên trên thị trường và hướng tới xuất khẩu.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 - 2025 của ngành nông nghiệp đạt 3 - 4%/năm. Cơ cấu khu vực nông, lâm, nghiệp, thủy sản chiếm 34,82%.

- Giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đạt 80 - 90 triệu đồng/ha; trong đó, diện tích kém hiệu quả giảm xuống dưới 20%. Có 40% diện tích canh tác nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Trong đó có 2.000 ha (khoảng 30%) cây lúa sản xuất Viet GAP, 200 - 300 ha sản xuất hữu cơ.

- Có 20-30% diện tích canh tác tham gia vào liên kết chuỗi giá trị. Đến năm 2025 có khoảng 20 chuỗi liên kết. Mỗi xã, thị trấn có từ 1 - 2 sản phẩm được công nhận là sản phẩm OCOP cấp tỉnh đạt 3 sao trở lên.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 65-70 triệu đồng/người/năm; trong đó thu nhập người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt từ 50 triệu đồng trở lên.

- Hoàn thiện hệ thống giao thông nội đồng, thủy lợi và hạ tầng chế biến sản phẩm nông nghiệp, đảm bảo 100% đường giao thông nông thôn, 80% đường giao thông nội đồng được cứng hóa; diện tích canh tác cây hàng năm chủ động nước tưới đạt trên 95%.

- Từng bước áp dụng chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp từ khâu quản lý đến quá trình sản xuất.

3. Định hướng đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2025 - 2030 của ngành nông nghiệp đạt 3,2 - 4,2%/năm.

- Giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đạt 95 - 100 triệu đồng/ha; trong đó, diện tích kém hiệu quả giảm xuống dưới 15%. Có từ 45 - 50% diện tích canh tác nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; trong đó: có 2.500 ha (khoảng 37%) cây lúa sản xuất Viet GAP, 250 - 350 ha sản xuất hữu cơ.

- Có 25-35% diện tích canh tác tham gia vào liên kết chuỗi giá trị. Phần đầu có từ 15 - 18 sản phẩm được công nhận là sản phẩm OCOP cấp tỉnh đạt 3 sao trở lên.

- Thu nhập bình quân đầu người khoảng 90 - 95 triệu đồng/người/năm; trong đó thu nhập người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt từ 75% thu nhập bình quân của huyện.

- Hoàn thiện hệ thống giao thông nội đồng, thủy lợi và hạ tầng chế biến sản phẩm nông nghiệp, đảm bảo trên 100% đường giao thông nông thôn, 85% đường giao thông nội đồng được cứng hóa; diện tích canh tác cây hàng năm chủ động nước tưới đạt trên 97%.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo lợi thế của từng địa phương để tạo ra sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao, đáp ứng cho thị trường, gia tăng thu nhập trên đơn vị diện tích

Thực hiện cơ cấu lại sản xuất theo nhóm sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và nhóm sản phẩm chủ lực, truyền thống làm nền tảng để xác định chủ trương, chính sách đầu tư, khuyến khích phát triển phù hợp cho từng nhóm, tạo tiền đề cho tăng trưởng của ngành. Thay đổi tư duy làm nông nghiệp từ chú trọng tăng năng suất, sản lượng nông sản sang làm kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, phát triển phải kết hợp hài hòa với bảo vệ nguồn tài nguyên bền vững, giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường.

Đối với nhóm sản phẩm có lợi thế cạnh tranh như lúa chất lượng cao, lúa giống, lúa hữu cơ, trồng dâu nuôi tằm, cao su và một số loại cây ăn trái như sầu riêng, bưởi, măng cụt, ...: Tập trung phát triển sản xuất theo chiều sâu, hình thành các chuỗi liên kết quy mô khép kín từ đầu vào đến thị trường bán lẻ và hướng đến xuất khẩu; nâng cấp chứng nhận OCOP cho một số sản phẩm nông

sản; phấn đấu đến năm 2025 mỗi xã, thị trấn có từ 1 - 2 sản phẩm được công nhận là sản phẩm OCOP cấp tỉnh đạt 3 sao trở lên, phát triển 18 - 20 chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Đối với nhóm sản phẩm chủ lực, truyền thống: Thực hiện tốt chính sách chuyển đổi cơ cấu cây trồng, giảm diện tích cây trồng hiệu quả thấp, vườn điều, vườn tạp để chuyển đổi sang các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương; đổi mới hệ thống, quy trình canh tác để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Phấn đấu đến 2025, diện tích vườn điều, vườn tạp, diện tích có giá trị sản xuất dưới 50 triệu/ha giảm xuống còn 20% diện tích canh tác; giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đạt 80 - 90 triệu/ha/năm.

- *Về trồng trọt*: Lựa chọn mức độ ứng dụng công nghệ phù hợp đối với từng vùng sản xuất, từng đối tượng cây trồng, ứng dụng thành tựu của khoa học công nghệ trong sản xuất. Chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng mở rộng quy mô sản xuất, tạo thành các vùng nguyên liệu tập trung phục vụ cho chế biến và xuất khẩu. Hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao như: Vùng lúa chất lượng cao, lúa giống và lúa hữu cơ với diện tích sản xuất hàng năm từ 7.000 - 7.500 ha (trong đó: Lúa giống 700 - 1.000 ha; lúa hữu cơ 200 - 300 ha, lúa VietGAP 2.000 ha). Vùng sản xuất rau chuyên canh tại các xã ven sông Đồng Nai (trên 500 ha), vùng cây ăn trái (trên 1.000 ha)... Tập trung chuyển đổi diện tích từ 1.000 - 1.500 ha cây điều kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả (sầu riêng, măng cụt, bưởi,...), cây công nghiệp (cao su, dâu tằm, cà phê, ca cao...) và cây nguyên liệu (tầm vông, lâm nghiệp...); tái canh từ 1.500 ha - 2.000 ha cây điều ghép cao sản kết hợp với thâm canh tăng năng suất từ 1,5 - 2 tấn/ha; giảm diện tích cây điều xuống dưới 5.000 ha (cây điều trên đất nông nghiệp còn dưới 2.000 ha).

- *Về chăn nuôi*: Tập trung mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng, quản lý nguồn gốc và kiểm soát dịch bệnh đàn vật nuôi, chú trọng chăn nuôi trang trại, gia trại an toàn sinh học cho các vật nuôi chủ lực như đàn heo và đại gia súc (bò, trâu); triển khai có hiệu quả Đề án phát triển bò sữa trên địa bàn huyện. Đồng thời phát triển đa dạng các mô hình chăn nuôi như: chăn nuôi heo bản địa, heo rừng lai, gà thả vườn, thỏ, dúi, ong lấy mật; quản lý hoạt động nuôi chim yến theo quy định. Phát triển vùng nguyên liệu thức ăn, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sơ chế, chế biến thức ăn gia súc nhằm giảm chi phí đầu vào, sử dụng hiệu quả nguồn nông sản tại chỗ và duy trì ổn định chất lượng đàn vật nuôi. Phấn đấu đến năm 2025, tỷ trọng chăn nuôi chiếm trên 34 - 35% cơ cấu ngành nông nghiệp; tổng đàn bò sữa đạt trên 2.700 con (trong đó: Tăng cơ học là 1.200 con và tăng tự nhiên 1.500 con); duy trì tổng đàn bò 15.000 - 17.000 con (bò lai chiếm trên 95% và trọng lượng đàn bò thịt đạt từ 350 kg trở lên), hình thành liên kết và tham gia vào chuỗi liên kết bò thịt tỉnh Lâm Đồng; phát triển đàn heo đạt 35.000 - 40.000 con, có 100% trang trại, gia trại và trên 80% hộ gia đình thực hiện chăn nuôi an toàn sinh học và quản lý kiểm soát dịch bệnh.

- *Về thủy sản*: Quy hoạch lại ngành nuôi trồng thủy sản để khai thác có hiệu quả diện tích mặt nước, các công trình thủy lợi để mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và quản lý bảo vệ nguồn lợi thủy sản; đưa ngành thủy sản trở thành thế mạnh trong phát triển nông nghiệp của huyện.

2. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại, thông minh trong nông nghiệp theo hướng bền vững về môi trường, từng bước nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp

2.1. Thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn

- Từng bước áp dụng chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp từ khâu quản lý đến quá trình sản xuất: Tạo lập dữ liệu, số hóa, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đất đai nông nghiệp, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, thủy lợi, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước và sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp. Xây dựng mã vùng trồng đối với các cây trồng chủ lực của huyện như bưởi da xanh, sầu riêng, măng cụt...; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ, phân tích, phát hiện sớm dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi.

- Phát triển nông nghiệp thông minh, đẩy mạnh thực hiện việc ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp, đặc biệt là công tác tem nhãn, truy xuất nguồn gốc sản phẩm qua các phần mềm điện tử, quản lý vùng trồng qua internet, dần hướng tới chuyển đổi số, tin học hóa các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, thủy lợi như: quản lý dịch hại qua hệ thống điện tử, tưới tiêu, phân bón qua Smart phone, truy xuất nguồn gốc sản phẩm qua mã điện tử QR.

- Tăng cường kinh doanh qua mạng, phát triển thương mại điện tử đối với sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp có tem truy xuất nguồn gốc; đăng ký và đưa các sản phẩm nông sản chủ lực của huyện lên các sàn giao dịch điện tử.

2.2. Tiếp tục phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ

- Tăng cường áp dụng các quy trình kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất, chọn lựa, ứng dụng phù hợp các loại công nghệ mới hiệu quả, thân thiện với môi trường; nâng cao trình độ cơ giới hóa, tự động hóa tiến tới công nghệ thông minh từ sản xuất, đến thu hoạch, chế biến, bảo quản sản phẩm gắn với chuỗi giá trị.

- Thực hiện thí điểm và nhân rộng các mô hình nông nghiệp xanh, sạch, thân thiện với môi trường, ứng dụng hiệu quả khoa học kỹ thuật vào sản xuất như: nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp với du lịch canh nông, vườn mẫu, ...

- Định hướng quy hoạch và phát triển các vùng sản xuất, sản phẩm nông nghiệp hữu cơ đạt tiêu chuẩn, có chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn hữu cơ. Phân đấu đến năm 2025 có từ 200 - 300 ha lúa sản xuất theo hướng hữu cơ,

2.000 ha lúa sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP; từ 100 - 200 ha cây ăn quả áp dụng quy trình sản xuất VietGAP, hữu cơ và liên kết tiêu thụ sản phẩm; có trên 70% diện tích ứng dụng tưới tiết kiệm, thông minh; hỗ trợ các hợp tác xã đăng ký cấp mã số vùng trồng để truy xuất nguồn gốc thuận lợi trong việc liên kết tiêu thụ và xuất khẩu.

2.3. Cơ giới hóa, tự động hóa

Ứng dụng đa dạng hoá các loại hình công nghệ, máy móc thiết bị cơ giới vào sản xuất, đặc biệt là khâu thu hoạch nhằm tăng năng suất lao động, giảm tỷ lệ tổn thất trong quá trình sản xuất. Chú trọng phát triển công nghệ sau thu hoạch đối với một số sản phẩm nông sản như lúa gạo, hồ tiêu, ca cao, cây ăn quả... để thực hiện chức năng phân loại, đóng gói, vận hành quản lý sản phẩm. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông sản.

3. Phát triển nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn nhằm giảm thiểu tác động môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quy trình canh tác phù hợp với sự biến đổi khí hậu; ứng dụng và nhân rộng quy trình canh tác tổng hợp theo hướng sinh thái, an toàn sinh học, hạn chế dịch bệnh; thay thế dần các hóa chất sử dụng trong nông nghiệp bằng các sản phẩm sinh học, có nguồn gốc hữu cơ.

- Nhân rộng và phát triển các mô hình nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn để khai thác các nguồn nguyên liệu tại chỗ, nguồn phụ phẩm, phế phẩm tái chế để phục vụ lại cho sản xuất, tránh lãng phí tài nguyên, giảm chi phí đầu tư, hướng tới đáp ứng đa mục tiêu nâng cao giá trị gia tăng cho người sản xuất; bảo vệ môi trường và sức khỏe người tiêu dùng.

- Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hình thức khép kín, ứng dụng công nghệ cao theo hướng an toàn sinh học, áp dụng triệt để các giải pháp xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; thực hiện di dời, chấm dứt hoạt động hoặc chuyển đổi ngành nghề đối với các cơ sở trong khu vực không được phép chăn nuôi.

- Sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên đất, nước,... phục vụ phát triển nông nghiệp; xây dựng và nhân rộng các mô hình canh tác theo hướng canh quan bền vững, giảm thiểu ảnh hưởng của sản xuất nông nghiệp đến môi trường

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các biện pháp, giải pháp phòng, chống phá rừng, vi phạm luật lâm nghiệp; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của rừng phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng gắn với việc thực hiện có hiệu quả chương trình “Trồng một tỷ cây xanh góp phần phát triển bền vững đất nước, giai đoạn 2021 - 2025” theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Khai thác tiềm năng đối với diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện để phát triển kinh tế lâm nghiệp với các định hướng trọng tâm là: Khai thác, bảo tồn nguồn dược liệu, thực phẩm dưới tán rừng; trồng rừng, chuyển đổi cơ cấu cây

trồng đối với diện tích rừng sản xuất để tăng hiệu quả kinh tế; phát huy điều kiện tự nhiên, danh lam thắng cảnh để phát triển du lịch dịch vụ; quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí dịch vụ môi trường rừng.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch phòng, chống thiên tai, chủ động trong công tác ứng phó, phòng ngừa kịp thời với các loại hình thiên tai để giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra; khắc phục kịp thời hậu quả sau thiên tai.

4. Phát triển liên kết chuỗi giá trị bền vững hiệu quả, đổi mới tổ chức sản xuất, xây dựng sản phẩm OCOP

- Tập trung đổi mới tổ chức sản xuất với mô hình “Doanh nghiệp là nòng cốt; kinh tế tập thể, hợp tác xã, tổ hợp tác là trung tâm; nông dân là chủ thể”. Nâng cao hiệu quả hoạt động các hợp tác xã nông nghiệp để làm tốt khâu tổ chức sản xuất và làm trung tâm để thực hiện các liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị bền vững¹; quan tâm truy xuất nguồn gốc nông sản đảm bảo năng suất, chất lượng, uy tín và sức cạnh tranh của nông sản Cát Tiên trên thị trường đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng gắn với mở rộng liên kết tiêu thụ sản phẩm nông sản theo chuỗi giá trị².

- Tăng xúc tiến thương mại, liên kết mở rộng thị trường để quảng bá, giới thiệu nông sản Cát Tiên đến các doanh nghiệp, nhà đầu tư và người tiêu dùng. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài tỉnh để quảng bá sản phẩm nông nghiệp của địa phương, trong đó tổ chức quản lý, quảng bá và sử dụng hiệu quả nhãn hiệu “Lúa – Gạo Cát Tiên”.

- Đẩy mạnh thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Nâng cao chất lượng nông sản gắn với chế biến, bảo quản, đóng gói, có bao bì, mẫu mã đẹp, nổi bật để xây dựng sản phẩm OCOP. Phấn đấu đến năm 2025 mỗi địa phương phải có từ 1 - 2 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên.

5. Từng bước đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiệu quả và hiện đại

- Triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình trọng tâm về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ; tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất.

- Đầu tư mở rộng, nâng cấp kiên cố hóa hệ thống giao thông nông thôn, giao thông nội đồng; hệ thống kênh mương nội đồng, các công trình thủy lợi, đặc biệt là công trình đầu mối và hệ thống kênh mương hồ chứa nước Đa Sĩ; chú trọng phát triển hệ thống ao hồ nhỏ đảm bảo cung cấp nguồn nước tưới phục vụ sản xuất và ứng phó với biến đổi khí hậu.

¹ Mỗi địa phương phải có 1-2 hợp tác xã hoạt động có hiệu quả.

² Đến năm 2025 có từ 20-30% diện tích canh tác tham gia vào liên kết chuỗi giá trị, 40% diện tích canh tác ứng dụng công nghệ cao, giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đạt 80-90 triệu đồng/ha.

- Tập trung thu hút đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là thu hút đầu tư nhà máy sản xuất, chế biến nông sản tập trung có dây chuyền công nghệ tiên tiến gắn với vùng nguyên liệu tại chỗ như: Nhà máy chế biến lúa gạo, nhà máy sản xuất tơ tằm, nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi.

- Ưu tiên bố trí ngân sách để thực hiện hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững theo hướng hàng hoá trên địa bàn huyện. Trọng tâm là chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, sản xuất hữu cơ, đổi mới tổ chức sản xuất và phương thức đầu tư, hỗ trợ các dự án nông nghiệp theo hướng hỗ trợ sau đầu tư (nông dân chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, Nhà nước hỗ trợ kinh phí) nhằm phát huy vai trò chủ thể của người nông dân và lấy người nông dân làm trung tâm của phát triển nông nghiệp.

6. Tạo bước đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học – công nghệ đổi mới, sáng tạo, phát triển nguồn nhân lực và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước

- Củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp³, đội ngũ quản lý hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp; từng bước tổ chức đào tạo nâng cao năng lực, trình độ lực lượng khuyến nông để đảm nhận tốt vai trò chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật cho nông dân. Thực hiện tập huấn, đào tạo nghề cho lao động nông thôn về sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; đổi mới phương pháp tập huấn, đào tạo nghề phù hợp với trình độ của đối tượng và từng loại cây trồng, vật nuôi.

- Đẩy mạnh công tác chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản. Triển khai các mô hình khuyến nông theo chuỗi từ sản xuất đến bảo quản, sơ chế và tiêu thụ nông sản. Khuyến khích, hướng dẫn các hộ nông dân áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, quy trình thực hành nông nghiệp tốt, công nghệ sinh học, nông nghiệp hữu cơ, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường; áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến để nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp.

- Xây dựng, nhân rộng các mô hình ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, ứng dụng công nghệ thông tin để theo dõi, điều hành, quản lý sản xuất và truy xuất nguồn gốc nông sản. Quan tâm bồi dưỡng nâng cao chất lượng, trình độ đội ngũ công chức, viên chức làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, đội ngũ quản lý hợp tác xã, tổ hợp tác và nâng cao kỹ năng, nhận thức của người dân để tiếp cận, ứng dụng, vận hành, quản lý công nghệ hiện đại, tiên tiến, thông minh trong sản xuất nông nghiệp.

³ Sắp xếp bố trí mỗi địa phương phải có 01 công chức có trình độ chuyên ngành nông nghiệp để triển khai thực hiện nhiệm vụ nông nghiệp và nông thôn mới.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền Kế hoạch này đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân; xây dựng chương trình, kế hoạch để lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ đã xác định trong Kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Ủy ban nhân dân huyện căn cứ các chương trình, kế hoạch, đề án trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp đã ban hành và Kế hoạch này để triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả; tranh thủ sự quan tâm giúp đỡ của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các sở, ngành của tỉnh trong triển khai thực hiện. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện, định kỳ hàng năm sơ kết, báo cáo kết quả thực hiện về Ban Thường vụ Huyện ủy để theo dõi chỉ đạo.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội huyện tuyên truyền các nội dung nhiệm vụ trong phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại đến đoàn viên, hội viên và toàn thể Nhân dân.

4. Ban Tuyên giáo Huyện ủy hướng dẫn việc tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền Kế hoạch này đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong huyện.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực Huyện ủy,
- Thường trực HĐND huyện,
- UBND huyện,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy,
- UBMTTQVN và các đoàn thể huyện,
- Các tổ chức cơ sở đảng,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu.

**T/M HUYỆN ỦY
BÍ THƯ**



Nguyễn Khắc Bình